

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 20/2026/HS-ST
Ngày 28 - 01 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Văn Kiêm

Bà Nguyễn Thị Luyến

- Thư ký phiên tòa: Bà Ninh Thị Thanh Phương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:
Bà Thiều Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 118/2025/TLST- HS ngày 19 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2026/QĐXXST - HS ngày 13 tháng 01 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Vũ Mạnh C, sinh năm 1966; số CCCD: 036066022648, cấp ngày 10/5/2021; nơi cấp Cục CSQH về TTXH - Bộ C1; nơi cư trú: thôn N, xã Q, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty cổ phần X; trình độ văn hóa: 10/10; là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 09-QĐ/UBKTĐU ngày 18/11/2025 của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy xã T; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đình T và bà Vũ Thị L; có vợ: Đoàn Thị H và 02 con; tiền án tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

2. Vũ Hoàng T1, sinh năm 1980; số CCCD: 036080015000, cấp ngày 10/5/2021; nơi cấp Cục CSQH về TTXH - Bộ C1; nơi cư trú: thôn P, xã T, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: kế toán; trình độ văn hóa: 12/12; là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 04 - QĐ/UBKTĐU ngày 21/11/2025 của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy xã T; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Ngọc

R và bà Cao Thị T2; có vợ Đoàn Thị Đ và 02 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Đinh Văn D, sinh năm 1985; nơi cư trú: số A đường M, phường N, tỉnh Ninh Bình.

2. Anh Nguyễn Minh S, sinh năm 1987; nơi cư trú: số B đường M, phường N, tỉnh Ninh Bình.

3. Anh Đinh Văn S1, sinh năm 1987; nơi cư trú: số F đường N, phường Đ, tỉnh Ninh Bình.

(đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH N, địa chỉ: Tổ dân phố số B, xã Q, tỉnh Ninh Bình do ông Vũ Ngọc D1, sinh năm: 1978 là Giám đốc và Công ty Cổ phần X, địa chỉ: Khu N, xã N, tỉnh Ninh Bình do Vũ Mạnh C, sinh năm 1966, là Giám đốc cùng liên danh ký với Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện N “Hợp đồng thi công xây dựng công trình” số: 03/2022/HĐXD ngày 18/3/2022, gói thầu: Xây dựng khu dân cư tập trung thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nam Định cũ (Dự án Q), trong đó:

- Công ty TNHH N thi công xây dựng hạng mục: Xây dựng phần san lấp; Hệ thống thoát nước, cấp nước sinh hoạt; Khuôn viên cây xanh; Hệ thống điện chiếu sáng; Hệ thống điện công nghiệp với giá trị 22.567.223.000 đồng.

- Công ty Cổ phần X thi công xây dựng hạng mục: Công trình giao thông với giá trị 13.303.460.000 đồng.

Quá trình thi công, Vũ Mạnh C và Vũ Ngọc D1 thống nhất về việc Công ty TNHH N giao toàn bộ hạng mục san lấp cho Công ty Cổ phần X thi công với khối lượng cát đen san lấp là 48.000m³. Toàn bộ vấn đề liên quan đến thi công hạng mục san lấp này như: Vật liệu; nhân công; máy móc; thiết bị; đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, chất lượng đều do Công ty Cổ phần X thực hiện. Do thỏa thuận như trên nên toàn bộ các thủ tục liên quan đến thi công hạng mục san lấp đều đứng tên Công ty TNHH N. Công ty X đã sử dụng khối lượng 47.000 m³ để thi công hạng mục san lấp của dự án Quỹ Nhất. Về nguồn gốc khối lượng cát đen sử dụng để san lấp, Công ty TNHH X mua của những cá nhân bán nhỏ lẻ bằng phương tiện là tàu, thuyền di chuyển trên sông Đ với giá từ 120.000 đồng/m³ đến 140.000đồng/m³ (giá đã bao gồm chi phí vận chuyển bằng phương pháp bơm vào tới công trường dự án Q). Để có mối cung cấp cát, Vũ Mạnh C chỉ đạo Vũ Hoàng T1 - Kế toán của Công ty TNHH X đến các bãi tập kết cát trên địa

bàn huyện N để liên hệ mua. T1 cung cấp số điện thoại của mình cho chủ các bãi vật liệu để cung cấp cho các tàu thuyền, khi có cát họ sẽ gọi điện cho T1 để thực hiện việc mua bán. Vì mua cát đen của cá nhân nhỏ lẻ, không rõ nguồn gốc nên để hợp thức hóa nguồn gốc khối lượng 47.000 m³ cát đen để kê khai thuế, Vũ Mạnh C đã chỉ đạo Vũ Hoàng Trung liên hệ H1 với các Công ty khác mua “Hóa đơn giá trị gia tăng”. Khoảng tháng 2, tháng 3/2023, thông qua mạng xã hội Intergram Vũ Hoàng T1 đã liên hệ với Công ty M, Công ty M1, Công ty M2 để mua “Hóa đơn giá trị gia tăng”, cùng thống nhất: 03 công ty trên phải mua “Hóa đơn giá trị gia tăng” của các Công ty khác với giá tiền tương ứng 2,5% tổng số tiền ghi trên “Hóa đơn giá trị gia tăng” nên sẽ bán “Hóa đơn giá trị gia tăng” cho Công ty X với giá là 4,5%, cụ thể như sau:

- Công ty TNHH M (viết tắt là Công ty M) trụ sở tại: Tổ A, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định, do Đinh Văn D làm Giám đốc đã bán cho Công ty X 01 “Hóa đơn giá trị gia tăng” số 20, ngày 09/02/2023, thể hiện về khối lượng cát đen là 12.728m³, đơn giá 150.000 đồng/m³, với số tiền ghi trên hóa đơn sẽ là 1.909.200.000 đồng (chưa tính 10% thuế GTGT), tổng số tiền trên Hóa đơn giá trị gia tăng là 2.100.120.000 đồng.

- Công ty M1 (viết tắt là Công ty M1) trụ sở tại: Tổ dân phố số A, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định, do Nguyễn Minh S làm Giám đốc đã bán cho Công ty X 01 “Hóa đơn giá trị gia tăng” số 168, ngày 09/03/2023 thể hiện về khối lượng cát đen là 12.150m³, đơn giá 150.000 đồng/m³, với số tiền ghi trên hóa đơn là 1.822.500.000 đồng (chưa tính 10% thuế GTGT), tổng tiền trên Hóa đơn giá trị gia tăng là 2.004.750.000 đồng.

- Công ty M2 (viết tắt là Công ty M2) trụ sở tại: Xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định, do Đinh Văn S1 làm Giám đốc đã bán cho Công ty X 04 “Hóa đơn giá trị gia tăng”, gồm “Hóa đơn giá trị gia tăng” số: 225, đề ngày 08/03/2023 với khối lượng cát đen là 5.781 m³, đơn giá 150.000 đồng/m³ giá trị ghi trên Hóa đơn là 867.150.000 đồng (chưa tính 10% thuế GTGT), tổng tiền trên Hóa đơn giá trị gia tăng là 953.865.000 đồng; “Hóa đơn giá trị gia tăng” số: 235, đề ngày 10/03/2023 với khối lượng cát đen là 5.740 m³ với đơn giá 150.000 đồng/m³ giá trị ghi trên Hóa đơn là 861.000.000 đồng(chưa tính 10% thuế GTGT), tổng tiền trên Hóa đơn giá trị gia tăng là 947.100.000 đồng; “Hóa đơn giá trị gia tăng” số: 238, đề ngày 11/03/2023 với khối lượng cát đen là 5.750 m³ với đơn giá 150.000 đồng/m³ giá trị ghi trên Hóa đơn là 862.500.000 đồng (chưa tính 10% thuế GTGT), tổng tiền trên Hóa đơn giá trị gia tăng là 948.750.000 đồng; “Hóa đơn giá trị gia tăng” số 239, đề ngày 11/03/2023 với khối lượng cát đen là 5.760 m³ với đơn giá 150.000 đồng/m³ giá trị ghi trên Hóa đơn là

864.000.000 đồng (chưa tính 10% thuế GTGT), tổng tiền trên Hóa đơn giá trị gia tăng là 950.400.000 đồng.

Sau đó, Công ty X đã sử dụng 06 Hóa đơn giá trị gia tăng mua không của 03 Công ty nêu trên để thực hiện kê khai khấu trừ thuế trong kỳ thuế tháng 02 và tháng 03/2023 tổng tiền trên 06 Hóa đơn giá trị gia tăng là 7.904.985.000 đồng.

Ngày 14/8/2025 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh N cũ nhận được đơn tố giác của anh Nguyễn Văn S2, sinh năm 1989, trú tại: xóm H, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định cũ về việc có vi phạm trong thực hiện Dự án Q, huyện N, tỉnh Nam Định cũ, quá trình điều tra phát hiện hành vi vi phạm nêu trên của Công ty M, Công ty M1, Công ty M2 và Công ty X. Đối với hành vi mua bán hóa đơn trái phép của Công ty M, Công ty M1, Công ty M2 đã điều tra, truy tố, xét xử đúng quy định pháp luật.

Tiến hành khám xét tại nơi ở và nơi làm việc của Vũ Mạnh C và Vũ Hoàng T1. Kết quả không thu giữ đồ vật tài liệu gì liên quan đến vụ án.

Ngày 14/4/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh N (cũ) đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 1877/QĐ-VPCQCSĐT trưng cầu Chi cục Thuế khu vực 4 Giám định về thuế, tài chính, kế toán để xác định hành vi trốn thuế của Công ty X. Ngày 27/06/2025 Chi cục Thuế khu vực D2 có bản Kết luận giám định số 1126/QĐ-CCTKV04-NDD1, kết luận: “*Công ty Cổ phần X, mã số thuế 0600346828 đã sử dụng 06 số hóa đơn GTGT không có hàng hóa kèm theo (hóa đơn không) với tổng giá trị hàng hóa chưa bao gồm tiền thuế GTGT là: 7.186.350.000 đồng và Công ty đã kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào tương ứng đối với 06 số hóa đơn với tổng số tiền thuế GTGT là 718.635.000 đồng, trong đó: Tại Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT (bao gồm tờ khai lần đầu và các lần bổ sung) của kỳ tính thuế tháng 02 năm 2023, số tiền thuế GTGT khấu trừ là 190.920.000 đồng, kỳ tính thuế tháng 03 năm 2023 số tiền thuế GTGT khấu trừ là 527.715.000 đồng. Hành vi sử dụng 06 số hóa đơn nêu trên được xác định là hành vi sử dụng không hợp pháp hóa đơn theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 4 Nghị định 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020. Công ty Cổ phần X không được kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào của 06 số hóa đơn trên với số tiền thuế GTGT 718.635.000 đồng theo quy định tại khoản 15 Điều 14 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013. Hành vi sử dụng 06 số hóa đơn GTGT không nêu trên của Công ty Cổ phần X để kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào tại kỳ tính thuế tháng 02 năm 2023, tháng 03 năm 2023 được xác định là hành vi trốn thuế GTGT theo quy định tại Khoản 4 Điều 143 Luật quản lý thuế ngày 13/6/2019 đã dẫn đến giảm số tiền thuế GTGT phải nộp NSNN theo quy định, số tiền thuế GTGT là **718.635.000** đồng, bao gồm số thuế GTGT phải*

nộp kỳ tính thuế tháng 12/2023 số tiền **718.635.000 đồng**”. **Đối với Thuế thu nhập doanh nghiệp:** “Căn cứ quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Điều 9 Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008, tổng số chi phí mua hàng hóa phản ánh tại các sổ hóa đơn GTGT không (không có hàng hoá, dịch vụ kèm theo) mà Công ty Cổ phần X sử dụng không hợp pháp nêu trên, Công ty Cổ phần X không được dùng làm căn cứ pháp lý để hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ, không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN. Tuy nhiên, do Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh N không có các tài liệu, giấy tờ liên quan thể hiện Công ty Cổ phần X đã thực hiện mua cát đen san lấp không rõ nguồn gốc, thuê nhân công lao động tự do để vận chuyển cát từ mép nước Sông Đ vào tới chân công trình Dự án Q. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh N chưa xác định trị giá hàng hóa mua trôi nổi trên thị trường (không có hóa đơn, chứng từ), chưa có hồ sơ tài liệu (chứng từ, sổ sách kế toán) phản ánh số lượng, giá trị hàng hoá thể hiện trên các sổ hoá đơn GTGT không nêu trên đã được công ty hạch toán tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ hay còn để tồn kho nên chưa có đủ căn cứ xác định hành vi trốn thuế TNDN cũng như số thuế TNDN đơn vị trốn là bao nhiêu? Vì vậy, Giám định viên không có đủ cơ sở để xác định hành vi trốn thuế TNDN, số tiền thuế TNDN đã trốn, gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước”.

***Đối với việc sử dụng cát biển để san lấp công trình của công ty TNHH N:**

Ngày 14/04/2025 Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu định giá tài sản để xác định: Chi phí vận chuyển khối lượng 32.251m³ cát Biển bằng phương tiện tàu thủy từ mỏ cát Biển ở khu vực biển huyện N của Công ty Cổ phần S3 về đến mép nước sông N gần Công trình xây dựng của Dự án Đò Mười; Chi phí vận chuyển khối lượng 32.251m³ cát Biển từ trên khoang chứa của tàu thủy dừng tại mép nước sông N đến chân công trình xây dựng của Dự án Đò M. Kết quả: Hội đồng định giá tài sản trong TTHS tỉnh N có công văn số 15/HĐĐG ngày 28/05/2025, xác định: “Do không đủ căn cứ để định giá tài sản nên HĐĐG tài sản trong TTHS tỉnh Nam Định từ chối thực hiện các yêu cầu định giá của cơ quan điều tra”.

Ngày 16/04/2025 Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định tại Trung tâm phân tích và Kiểm định Địa chất thuộc Cục Đ1, giám định: Mẫu vật được lấy từ các vị trí trong công trình xây dựng của Dự án Đò M. Kết quả: Ngày 21/04/2025 Trung tâm phân tích và Kiểm định Địa chất có công văn số 40/PTKĐ-KHTC, trả lời: “Trung tâm phân tích và Kiểm định Địa chất chỉ xác định được mẫu có phải là khoáng sản không và là loại gì. Xác định được thành

phần khoáng vật của mẫu vật gửi giám định. Không xác định được cát là loại gì (cát Sông hay cát Biển) do chưa có tiêu chuẩn quy định. Không xác định được bao nhiêu là khối lượng cát Biển và cát Sông”.

Ngày 18/09/2025 Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định: “Việc Công ty TNHH N sử dụng 32.251m³ cát Biển để thực hiện thi công san lấp mặt bằng có ảnh hưởng đến chất lượng công trình xây dựng khu tái định cư và khu dân cư tập trung của Dự án Đò Mươi hay không? Nếu có thì ảnh hưởng như thế nào? Có định giá được không?”. Kết quả: Ngày 21/10/2025, Trung tâm G thuộc Sở Xây dựng tỉnh N có văn bản số 66/BC-TTGD, trả lời: “*Hiện nay chưa có quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng quy định việc sử dụng cát Biển để san lấp công trình. Chất lượng các hạng mục công trình xây dựng chịu tác động của nhiều yếu tố như: chất lượng khảo sát, thiết kế và chất lượng quá trình thi công xây dựng công trình. Vì vậy, việc công ty TNHH N sử dụng cát Biển thi công hạng mục san lấp không đủ cơ sở để định lượng mức độ ảnh hưởng đến chất lượng các công trình xây dựng khu tái định cư và khu dân cư tập trung thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (cũ)*”.

*** Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu và việc xử lý vật chứng:**

Đối với các tài liệu chứng cứ chứng minh việc mua bán hóa đơn giữa công ty cổ phần X với Công ty M, Công ty M1 và Công ty M2 đã được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án Đinh Văn D, Nguyễn Minh S và Đinh Văn S1 phạm tội “Mua bán hóa đơn”, Cơ quan điều tra đã tiến hành sao chụp lại toàn bộ chứng cứ và đưa vào hồ sơ vụ án này.

Toàn bộ các tài liệu Cơ quan điều tra thu giữ nêu trên đều được đưa vào hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra, Vũ Mạnh C và Vũ Hoàng T1 thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Tại bản cáo trạng số 42/CT-VKS-P3 ngày 18 tháng 12 năm 2025 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố các bị cáo Vũ Mạnh C, Vũ Hoàng T1 về tội “Trốn thuế”, áp dụng điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 200 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Vũ Mạnh C, Vũ Hoàng T1 thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tại phiên tòa sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, xem xét hậu quả do hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 200; Điều 35; điểm b, i, s, v khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Mạnh C từ 500 triệu đồng đến 550 triệu đồng về tội “Trốn thuế”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 200; Điều 35; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Hoàng T1 từ 200 triệu đồng đến 250 triệu đồng về tội “Trốn thuế”.

Miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Lời nói sau cùng các bị cáo rất ân hận về hành vi của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu; lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với bản Kết luận giám định số 1126/QĐ-CCTKV04-NDD1, kết luận “ Công ty cổ phần X, mã số thuế 0600346828 đã sử dụng 06 số hóa đơn GTGT không có hàng hóa kèm theo (hóa đơn khống) với tổng giá trị hàng hóa chưa bao gồm tiền thuế GTGT là 7.186.350.000 đồng và Công ty đã kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào tương ứng đối với 06 số hóa đơn GTGT là 718.635.000 đồng, trong đó: Tại Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT (bao gồm tờ khai lần đầu và các lần bổ sung) của kỳ tính thuế tháng 02 năm 2023, số tiền thuế GTGT khấu trừ là 190.920.000 đồng, kỳ tính thuế tháng 03 năm 2023 số tiền thuế GTGT khấu trừ là 527.715.000 đồng. Hành vi sử dụng 06 số hóa đơn nêu trên được xác định là hành vi sử dụng không hợp pháp hóa đơn theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 4 Nghị định 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020. Công ty Cổ phần X không được kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào của 06 số hóa đơn trên với số tiền thuế GTGT 718.635.000 đồng theo quy định tại khoản 15 Điều 14 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013. Hành vi sử dụng 06 số hóa đơn GTGT không nêu trên của Công ty Cổ phần X để kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào

tại kỳ tính thuế tháng 02 năm 2023, tháng 03 năm 2023 được xác định là hành vi trốn thuế GTGT theo quy định tại Khoản 4 Điều 143 Luật quản lý thuế ngày 13/6/2019 đã dẫn đến giảm số tiền thuế GTGT phải nộp NSNN theo quy định, số tiền thuế GTGT là **718.635.000** đồng, bao gồm số thuế GTGT phải nộp kỳ tính thuế tháng 12/2023 số tiền **718.635.000** đồng ”.

Đã có đủ cơ sở để kết luận: khoảng tháng 2 và tháng 3/2023 trong quá trình thực hiện việc san lấp tại dự án Q, để hợp thức hóa nguồn gốc khối lượng 47.000 m³ cát đen mua của cá nhân nhỏ lẻ, không rõ nguồn gốc, Vũ Mạnh C - Giám đốc Công ty cổ phần X đã cùng với Vũ Hoàng T1 - Kế toán công ty mua của Công ty M, Công ty M1 và Công ty M2 06 “Hóa đơn giá trị gia tăng”. Sau khi mua được hóa đơn, C tiếp tục chỉ đạo Vũ Hoàng T1 sử dụng 06 hóa đơn không hợp pháp trên để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào và hóa đơn phát sinh nghĩa vụ thuế làm giảm tiền thuế phải nộp. Thực hiện sự chỉ đạo của C, Vũ Hoàng T1 đã trực tiếp liên hệ với 3 Công ty trên để mua 06 hóa đơn GTGT không kèm dịch vụ, hàng hóa. Sau đó, T1 đã sử dụng 06 Hóa đơn GTGT không này để kê khai thuế GTGT trong kỳ thuế tháng 02 và tháng 03/2023 nhằm mục đích khấu trừ thuế giá trị gia tăng với số tiền 718.635.000 đồng.

Hành vi nêu trên của Vũ Mạnh C, Vũ Hoàng T1 đã phạm tội “Trốn thuế” thuộc trường hợp “Số tiền trốn thuế từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 200 Bộ luật Hình sự.

Điều 200. Tội trốn thuế

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây trốn thuế với số tiền từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc dưới 100.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trốn thuế hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 188, 189, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196, 202, 250, 251, 253, 254, 304, 305, 306, 309 và 311 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm:

a)

d) Sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc làm tăng số tiền thuế được miễn, số tiền thuế được giảm hoặc tăng số tiền thuế được khấu trừ, số tiền thuế được hoàn;

.....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 03 năm:

a)

b) Số tiền trốn thuế từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố các bị cáo với tội danh và điều luật đã viện dẫn như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật cần chấp nhận.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo Vũ Mạnh C, Vũ Hoàng T1 đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, làm thất thu ngân sách Nhà nước, do đó cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật để giáo dục, răn đe bị cáo và góp phần phòng ngừa chung. Khi quyết định hình phạt cần xem xét đến mức độ tham gia thực hiện hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo để quyết định hình phạt cho phù hợp.

Đối với bị cáo Vũ Mạnh C với vai trò là Giám đốc Công ty X là người đứng đầu công ty và là người đã chỉ đạo, điều hành toàn bộ hoạt động của công ty đã chỉ đạo cho bị cáo Vũ Hoàng T1 là kế toán đã trực tiếp liên hệ với 03 Công ty mua 06 Hóa đơn GTGT không để kê khai thuế GTGT trong kỳ thuế tháng 02 và tháng 03/2023 nhằm mục đích khấu trừ thuế giá trị gia tăng với số tiền thuế phải nộp là 718.635.000 đồng gây ảnh hưởng đến trật tự quản lý kinh tế, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh. Vì vậy cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật để mang tính răn đe và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: cả 02 bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cả 02 bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đều phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã tự nguyện khắc phục hậu quả nộp lại cho ngân sách Nhà nước số tiền 718.635.000 đồng. Do đó, cả hai bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Vũ Mạnh C trong quá trình kinh doanh sản xuất có nhiều đóng góp cho sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương, được Chủ tịch UBND tỉnh N tặng Bằng khen từ năm 2020-2021; Cục thuế tỉnh N tặng Giấy khen năm 2019; bị cáo C có bố là ông Vũ Đình T là thương binh loại A, do đó bị cáo C còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Do các bị cáo Vũ Mạnh C, Vũ Hoàng T1 là người có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy chỉ cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền cũng đủ điều kiện giáo dục, cải tạo các bị cáo.

Bị cáo Vũ Hoàng T1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên được áp dụng khoản 1 Điều

54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo đã bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo Vũ Mạnh C, Vũ Hoàng T1 đã nộp khắc phục xong toàn bộ số tiền trốn thuế. Quá trình chuẩn bị xét xử, các bị cáo C, T1 có đơn đề nghị xin Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo và cung cấp số tài khoản cá nhân của các bị cáo tại Ngân hàng V - Chi nhánh N1 (V1), trong tài khoản mỗi bị cáo đều đang có số tiền 200.000.000 đồng. Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình đã ra Lệnh phong tỏa tài khoản của cả hai bị cáo nêu trên để đảm bảo thi hành án cho các bị cáo.

[4] Đối với các tài liệu chứng cứ chứng minh việc mua bán hóa đơn giữa công ty cổ phần X với Công ty M, Công ty M1 và Công ty M2 đã được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án Đinh Văn D, Nguyễn Minh S và Đinh Văn S1 phạm tội “Mua bán hóa đơn”, Cơ quan điều tra đã tiến hành sao chụp lại toàn bộ chứng cứ và đưa vào hồ sơ vụ án này.

[5] Đối với một số tình tiết khác có liên quan đến vụ án, cụ thể như sau:

Đối với điện thoại và số điện thoại T1 dùng để liên lạc mua hóa đơn không, do máy bị hỏng nên T1 đã bỏ đi và không sử dụng từ lâu. Do đó, không tiến hành thu giữ.

Đối với hành vi sử dụng cát biển để san lấp công trình của Công ty TNHH N: Quá trình điều tra xác định, Công ty TNHH N không thực hiện đúng theo Hồ sơ thiết kế và Hợp đồng thi công đã ký kết, đã mua khối lượng 32.251m³ cát biển của Công ty Cổ phần S3 để thực hiện san lấp công trình, vi phạm “Hồ sơ thiết kế”, “Hồ sơ dự toán công trình”. Căn cứ “Hợp đồng thi công xây dựng công trình” số 06/2023/HĐXD gói thầu Thi công xây dựng công trình và lắp đặt thiết bị của Dự án Đò Mười giữa Chủ đầu tư và Công ty TNHH N thể hiện về việc Công ty TNHH N cam kết sử dụng cát đen Sông H để thi công hạng mục san lấp. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã có công văn gửi các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu trưng cầu giám định thiệt hại và xác định việc sử dụng cát biển thay cát sông vào công trình. Theo kết quả trả lời của Trung tâm phân tích và Kiểm định Địa chất có công văn số 40/PTKĐ-KHTC ngày 21/04/2025; Hội đồng định giá tài sản trong TTHS tỉnh N có công văn số 15/HĐĐG ngày 28/05/2025 và Trung tâm giám định chất lượng xây dựng Nam Định thuộc Sở Xây dựng tỉnh N có văn bản số 66/BC-TTGD Ngày 21/10/2025, xác định: *“không xác định được cát là loại gì (Cát Biển hay cát Sông) do chưa có tiêu chuẩn quy định. Không xác định được bao nhiêu là cát Biển và cát Sông và hiện*

nay chưa có quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng quy định việc sử dụng cát biển để san lấp công trình; Chất lượng các hạng mục công trình xây dựng chịu tác động của nhiều yếu tố như: chất lượng khảo sát, thiết kế và chất lượng quá trình thi công xây dựng công trình. Vì vậy, Công ty TNHH N sử dụng cát Biển thi công hạng mục san lấp không có đủ cơ sở để định lượng mức độ ảnh hưởng đến chất lượng các công trình xây dựng cũng như giá trị thiệt hại khu tái định cư và khu dân cư tập trung thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (cũ)”. Ngoài ra, công ty TNHH N chưa được thanh toán hết giá trị nghiệm thu công trình dự án Q. Do đó, không có căn cứ để xác định được thiệt hại do hành vi của Công ty TNHH N gây ra. Như vậy, không có căn cứ điều tra, xử lý đối với ông Vũ Ngọc D1 và công ty TNHH N.

- Đối với Công ty TNHH T3; Công ty TNHH Đ2; Công ty T4; Công ty TNHH Đ3 và Công ty TNHH Đ4: Quá trình điều tra xác định những người đại diện theo pháp luật của 05 công ty này đều không thành lập công ty do bị mất căn cước công dân nên không biết ai thành lập công ty, công ty không hoạt động và có công ty không có tại địa chỉ đã đăng ký khi làm thủ tục thành lập công ty. Những người đại diện theo pháp luật của các công ty trên không biết việc bán 06 hóa đơn khống không kèm dịch vụ hàng hóa cho Công ty M, Công ty M1 và Công ty M2. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC01) Công an tỉnh N không xử lý hình sự đối với những người liên quan.

[6] Về án phí: Các bị cáo bị tuyên có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 200; các điểm b, i, v, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vũ Mạnh C.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 200; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 35; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vũ Hoàng T1.

Căn cứ Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Vũ Mạnh C, Vũ Hoàng T1 phạm tội: “Trốn thuế”.

2. Xử phạt: Bị cáo Vũ Mạnh C 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước; Bị cáo Vũ Hoàng T1 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

3. Về biện pháp tư pháp:

- Buộc các bị cáo Vũ Mạnh C, Vũ Hoàng T1 phải nộp lại số tiền

718.635.000 đồng (*bảy trăm mười tám triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn đồng*) để sung ngân sách Nhà nước.

Ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo Vũ Mạnh C, Vũ Hoàng T1 đã nộp đủ số tiền 718.635.000 đồng (*bảy trăm mười tám triệu sáu trăm ba mươi lăm đồng*) để khắc phục hậu quả. Các bị cáo Vũ Mạnh C, Vũ Hoàng T1 đã nộp đủ số tiền nêu trên.

Tiếp tục duy trì Lệnh phong tỏa tài khoản số 01/LPT-TA ngày 20/01/2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình đối với số tài khoản 0941794899 tại Ngân hàng thương mại cổ phần V - Chi nhánh N1 (V1) mang tên Vũ Mạnh C, trong tài khoản có số tiền 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*) để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Vũ Mạnh C.

Tiếp tục duy trì Lệnh phong tỏa tài khoản số 02/LPT-TA ngày 20/01/2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình đối với số tài khoản 520360538 tại Ngân hàng thương mại cổ phần V - Chi nhánh N1 (V1) mang tên Vũ Hoàng T1, trong tài khoản có số tiền 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*) để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Vũ Hoàng T1.

4. Về án phí: Các bị cáo Vũ Mạnh C, Vũ Hoàng T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TANDTC;
 - VKSNDTC (Viện CT và KTXSSH);
 - VKSND tỉnh Ninh Bình;
 - Phòng PC03 CA tỉnh Ninh Bình;
 - PC10 CA tỉnh Ninh Bình;
 - Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh NB;
 - THADS tỉnh Ninh Bình;
 - Các bị cáo;
 - Lưu hồ sơ; VP.
 - Lưu tòa & Tổ hành chính tư pháp 0(2 bản);
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

**T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thảo

